

Bản án số: 95/2024/HS-ST

Ngày: 16 - 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Thanh

Bà Đỗ Thị Việt Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 12/5/1995 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Văn thư, thủ quỹ; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Vũ T1 và bà Nguyễn Thị Bích T2; bị cáo có chồng tên Võ Ngọc V (đã ly hôn) và có 1 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 25/5/2023, đến ngày 03/6/2023 thì bị tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Xuân T3 (tên gọi khác: C), sinh ngày 01/4/1993 tại tỉnh Gia Lai; nơi ĐKKHKT: Thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai; chỗ ở trước khi bị bắt: đường X, tổ XX, khu phố XXX, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T4 và bà Tô Thị Lệ T5; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/12/2014, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai xử phạt 9 tháng 27 ngày tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, được trả tự do ngay tại phiên tòa tại Bản án số 76/2014/HSST (Đã xóa án tích).

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 26/5/2023, đến ngày 04/6/2023 thì bị tạm giam cho đến ngày 18/10/2023, được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T: Ông Vũ Quang K – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV VK thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai; địa chỉ: BT, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Trường Trung học phổ thông T

Địa chỉ: Thôn X, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Quang V1 – Hiệu trưởng. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Bùi Quang V1, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị Thanh H1, sinh năm 1990; địa chỉ: Làng H, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bà Lê Thị D, sinh năm 1978; địa chỉ: Làng H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Nguyễn Vũ T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bà Vòng Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ X, khu phố X, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ. Vắng mặt.

- Ông Phan Thế H, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn X, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị P, sinh năm 1994; địa chỉ: Đường P, tổ X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Võ Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn X, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Hồ Duy H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Võ Ngọc V, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Nguyễn Đức Hoàng D, sinh năm 1988; địa chỉ: QT, tổ dân phố X, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1978; địa chỉ: PNT, phường T, thành phố Q, tỉnh BD. Vắng mặt.
- Ông Lê Bá H, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
- Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 05C NVT, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
- Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Ông Triệu Quang H, sinh năm 1990; địa chỉ: Làng TS, xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Bà Phạm Thị Thanh L, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn I, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Ông Phan Trung B, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn X, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Bà Lê Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Bà Hồ Thạch L, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
- Ông Lê Hoài V, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn X, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Bà Phan Thị Quỳnh N, sinh năm 1993; địa chỉ: Làng D, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Bà Đặng Thị Kim C, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn X, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Bà Phạm Thị Hải Y, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Ông Trần Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Ông Từ Ngọc D, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Ông Hồ Hoàng T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Mỹ Thạch X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
 - Ông Triệu Ngọc T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Mỹ Thạch X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
 - Bà Lâm Thị Mỹ V, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
 - Bà Vũ Thị Mỹ H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
 - Bà Trịnh Thị Q, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
 - Ông Trần Minh V, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
 - Ông Tô Ngọc Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
 - Ông Trần Bảo V, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn X, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
 - Kho bạc Nhà nước huyện C; địa chỉ: HV, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.
- Người đại diện hợp pháp: Ông Chu Quốc H – Kế toán trưởng. Có mặt.
- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai; địa chỉ: THĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
- Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn M – Chuyên viên phòng Tài chính – Kế hoạch. Có mặt.
- Sở Tài chính tỉnh Gia Lai; địa chỉ: THĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
- Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng D - Phó trưởng phòng Tài chính – Hành chính sự nghiệp. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/03/2022, Nguyễn Thị Ngọc T được Trường Trung học phổ thông (THPT) T, đại diện là ông Bùi Quang V1 – Hiệu trưởng ký hợp đồng lao động với vị trí là nhân viên tạp vụ và văn thư kiêm thủ quỹ có nhiệm vụ thu, chi, quản lý tiền học phí; các khoản thu ngoài ngân sách nhà nước do cha mẹ học sinh đóng góp đồng thời được phân công rút hai khoản tiền hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (viết tắt là Nghị định 116) và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống

giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo (viết tắt là Nghị định 81) để cấp phát cho học sinh.

Năm học 2022-2023, trường THPT T, Ban đại diện cha mẹ học sinh và Hội khuyến học nhà trường ủy quyền cho giáo viên chủ nhiệm 20 lớp học thu học phí và các khoản tiền do cha mẹ học sinh đóng góp để nộp cho Trâm quản lý. Căn cứ theo chứng từ thu, chi tiền học phí và các khoản thu khác do cha mẹ học sinh đóng góp cho T tính đến ngày 31/12/2022 là 332.291.000 đồng (Trong đó: tiền học phí 144.440.000 đồng; tiền Smas 27.740.000 đồng; tiền quỹ cha mẹ học sinh 5.300.000 đồng; tiền quỹ khuyến học 6.200.000 đồng; tiền quỹ vệ sinh nước uống và giữ xe 45.155.000 đồng; tiền quỹ K12 online + photo 43.398.000 đồng; tiền dạy thêm 56.558.000 đồng; tiền quỹ tài trợ 3.500.000 đồng). Vì đầu năm nhà trường phát sinh nhiều khoản chi, ông V1 đã chỉ đạo T lấy khoản tiền học phí thu được để chi trước cho các hoạt động chung của nhà trường, sang học kỳ 2 khi thu được các khoản tiền do cha mẹ học sinh đóng góp sẽ hoàn trả và thực hiện nộp đầy đủ tiền học phí vào Kho bạc nhà nước. Do đó, đến ngày 31/12/2022, T đã chi cho hoạt động chung của nhà trường tổng số tiền 330.309.000 đồng, T đã ứng 142.458.000 đồng trong số tiền học phí thu được là 144.440.000 đồng để chi cho các hoạt động khác, số tiền học phí còn lại tính đến ngày 31/12/2022 là 1.982.000 đồng.

Trong năm học 2022 - 2023 (từ tháng 9/2022 đến ngày 25/5/2023), tổng số tiền học phí và các khoản thu khác do giáo viên chủ nhiệm 20 lớp học nộp về cho T là 1.470.062.000 đồng (Trong đó: Tiền học phí 337.640.000 đồng; tiền Smas 56.775.000 đồng; tiền quỹ cha mẹ học sinh 82.660.000 đồng; tiền quỹ khuyến học 83.617.000 đồng; tiền quỹ Vệ sinh nước uống và giữ xe 144.993.000 đồng; tiền quỹ K12 online + photo 170.115.000 đồng; tiền dạy thêm 486.512.000 đồng; tiền quỹ tài trợ 87.200.000 đồng; tiền hỗ trợ thi tốt nghiệp và quà lưu niệm 20.550.000 đồng). Trâm đã chi cho các hoạt động của Nhà trường với tổng số tiền là 1.147.571.000 đồng. Số tiền còn lại là 322.491.000 đồng, T chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân và đầu tư tiền ảo.

Ngày 19/5/2023, theo sự phân công của ông Bùi Quang V1, T đến Ngân hàng N - Phòng giao dịch C rút số tiền 193.700.000 đồng tiền hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116. Sau khi rút tiền, T không thông báo cho ai biết mà chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Ngày 25/5/2023, T tiếp tục đến ngân hàng N - Phòng giao dịch C rút số tiền 114.750.000 đồng tiền hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 81 theo sự phân công của ông Bùi Quang V1. Cùng ngày, T đã chi số tiền 21.800.000 đồng, cụ thể: Chi cho ông Nguyễn Ngọc D - Phó hiệu trưởng số tiền 16.000.000 đồng để

tạm ứng mua ghế đá cho nhà trường; chi cho Trần Thị Thanh H - Kế toán số tiền 5.000.000 đồng; chi cho ông Nguyễn Văn H - Phó hiệu trưởng số tiền 300.000 đồng; chi cho ông Phan Thế H - Bảo vệ số tiền 500.000 đồng, còn lại số tiền 92.950.000 đồng, Trâm chiếm đoạt và sử dụng để trả cho bà Lê Thị D 27.900.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết 170.000 đồng, còn lại 64.880.000 đồng, T cất giấu trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Vision BKS 81E1-14XXX của T.

Vì đã chiếm đoạt của trường THPT T tổng số tiền 609.141.000 đồng để tiêu xài cá nhân, giao dịch tiền ảo và không còn khả năng trả lại tiền nên ngày 22/5/2023, T liên hệ và nhờ Nguyễn Xuân T3 (lúc này đang tạm trú tại TP Hồ Chí Minh) thực hiện việc phá các ổ khóa phòng làm việc và khóa tủ của T tại trường THPT T để tạo hiện trường giả vụ trộm cắp tài sản nhằm mục đích che giấu hành vi chiếm đoạt tiền của nhà trường, T3 đồng ý. Đến tối ngày 24/5/2023, T3 đón xe khách đi từ Thành phố Hồ Chí Minh về thị trấn C, trên đường đi T nhắn tin với T3 để bàn bạc việc tạo hiện trường giả vụ trộm cắp tài sản và thỏa thuận sẽ thực hiện vào khoảng 11 giờ 30 phút đến 12 giờ trưa khi vắng người. Vào khoảng 09 giờ ngày 25/5/2023, theo hướng dẫn của T, T3 đi mua 03 ổ khóa mới giống với các ổ khóa mà T đang sử dụng khóa cửa phòng làm việc và tủ đựng tiền để đưa T đổi lấy các ổ khóa T đang sử dụng, sau đó T3 mang các ổ khóa trên đến tiệm cơ khí của anh Võ Văn T mượn búa và cờ lê phá 03 ổ khóa T đưa. Đến khoảng 11 giờ 30 phút, T chụp hình phòng làm việc và tủ của T gửi qua Zalo cho T3 và hướng dẫn T3 trèo bờ rào phía sau trường và mang các ổ khóa đã phá đến phòng làm việc của T để thay thế các ổ khóa mới đã đưa T trước đó. Chiều cùng ngày, T báo với ban giám hiệu nhà trường phòng làm việc bị trộm cắp và mất trộm toàn bộ số tiền còn lại chưa chi mà các giáo viên chủ nhiệm đã nộp cho T và hai khoản tiền hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 116 và Nghị định số 81 mà T được phân công đi rút về chi. Đối với T3, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, T3 đón xe đi thành phố Chí Minh và vứt các ổ khóa đã mua trên đường đi.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội. Khoảng 07 giờ ngày 26/5/2023, T3 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đầu thú và khai nhận về hành vi giúp Trâm tạo hiện trường giả vụ trộm cắp tài sản tại Trường THPT T

* Về dân sự: Trường THPT T yêu cầu Trâm trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của Nhà trường. Quá trình điều tra đã thu hồi được số tiền 234.380.000 đồng.

* Về vật chứng. Quá trình điều tra đã tạm giữ:

- Số tiền 255.380.000 đồng (trong đó tạm giữ trong cốp xe Trâm 64.880.000 đồng, bà Lê Thị D 9.000.000 đồng, ông Nguyễn Ngọc D 16.000.000

đồng, bà Trần Thị Thanh H 5.000.000 đồng, ông Nguyễn Vũ T1 (bố T) 160.500.000 đồng để khắc phục hậu quả).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax màu xanh, bị vỡ mặt kính sau, gắn thẻ sim ghi số 8401210833923495 của T

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision mang biển kiểm soát 81E1-142.XX của T.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu hồng, gắn thẻ sim ghi số 8401210833923688 của T3.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc, gắn thẻ sim ghi số 8984048000911428189 của T3.

- 03 ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp đã hư hỏng và 06 chìa khóa.

- 01 cờ lê, 01 búa sắt

Tại Cáo trạng số 107/CT-VKSGL-P1 ngày 08/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Xuân T3 về tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 389 của Bộ luật Hình sự.

2. Diễn biến tại phiên tòa:

2.1 Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Xuân T3 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng; thấy có tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

2.2 Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- * Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phạm tội “Tham ô tài sản”; bị cáo Nguyễn Xuân T3 phạm tội “Che giấu tội phạm”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T từ 12 đến 13 năm tù.

- Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 389; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T3 12 đến 15 tháng tù.

- * Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Trường THPT T 215.861.000 đồng.

Buộc bà Lê Thị D phải nộp lại 18.900.000 đồng để trả lại cho bị hại Trường THPT T.

- * Về vật chứng:

- Giao cho Trường THPT T được nhận 255.380.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision mang biển kiểm soát 81E1-142.XX, số máy JF86E0136267, số khung 5834KY443531.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 03 điện thoại di động gắn thẻ sim số;

- Tịch thu tiêu hủy: 03 ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp đã hư hỏng và 06 chìa khóa, 01 cờ lê, 01 búa sắt

* Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm; Bị cáo Nguyễn Xuân T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

2.3 Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

2.4 Người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Xác nhận nội dung vụ án như nội dung bản cáo trạng, xác nhận tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T chiếm đoạt là 609.141.000 đồng; đối với các khoản tiền tạm ứng mà bị cáo Trâm đã chi cho ông Nguyễn Ngọc D 16.000.000 đồng, bà Trần Thị Thanh H 5.000.000 đồng là số tiền chi cho các hoạt động của nhà trường, chưa có trong bảng kê có tại hồ sơ vụ án và nhà trường đã trả cho các ông, bà trên, nay các ông, bà đã nộp thì giao nhà trường nhận; đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải tiếp tục bồi thường 215.861.000 đồng. Về hình phạt, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

2.5 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị D xác nhận có sự việc ngày 25/5/2023, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T trả cho bà 27.900.000 đồng tiền mặt tại trường THPT T, sau khi biết tiền mà bị cáo T trả cho bà là do chiếm đoạt của trường, bà đã tự nguyện giao nộp 9.000.000 đồng, còn 18.900.000 đồng bà đồng ý nộp lại khi có bản án của Tòa án.

- Ông Nguyễn Ngọc D, bà Trần Thị Thanh H xác nhận nội dung vụ án giống nội dung của bản cáo trạng. Đối với số tiền 16.000.000 đồng mà ông Nguyễn Ngọc D đã nộp và 5.000.000 đồng mà bà Trần Thị Thanh H đã nộp là tiền mua vật dụng cho trường và đã được Trường THPT T trả lại nên đề nghị giao lại số tiền này cho Trường THPT T.

- Anh Võ Ngọc V xác nhận là chồng cũ của bị cáo T, chiếc xe mô tô tang vật của vụ án là do anh mua mà chưa sang tên, nay anh và T đã ly hôn nên anh không nhận lại xe mà đề nghị Tòa giải quyết cho T.

- Ông Nguyễn Vũ T1 (là bố đẻ của bị cáo T): Xác nhận bị cáo T có tác động gia đình bồi thường thay cho bị cáo nên gia đình đã nộp tổng cộng 300.500.000 đồng và không yêu cầu bị cáo T trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T và bị cáo Nguyễn Xuân T3 khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy có cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2022 đến ngày 25/5/2023, do muốn có tiền để sử dụng cá nhân nên bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T - nhân viên tạp vụ, văn thư kiêm thủ quỹ của trường THPT T đã lợi dụng nhiệm vụ được giao để chiếm đoạt tổng cộng 609.141.000 đồng tiền thu học phí, các khoản tiền ngoài Ngân sách nhà nước do cha mẹ học sinh đóng góp và tiền hỗ trợ cho học sinh của trường THPT T.

Bị cáo Nguyễn Xuân T3 không bàn bạc với bị cáo T về việc chiếm đoạt tiền của trường THPT T nhưng khi nghe bị cáo T kể về việc đã chiếm đoạt tiền của Trường và nhờ tạo hiện trường giả như Trường bị trộm cắp tài sản để che giấu việc chiếm đoạt tiền cho bị cáo T thì bị cáo T3 đã đồng ý và tạo dựng hiện trường bị phá khoá để bị cáo T báo cáo với Trường là bị mất trộm tiền.

Khi biết không thể trốn tránh pháp luật nên các bị cáo đã đầu thú.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T về tội “Tham ô tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng” theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Xuân T3 về tội “Che giấu tội phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 389 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, lợi dụng nhiệm vụ được giao để chiếm đoạt tiền của trường THPT T, gây thiệt hại tài sản của nhà trường.

Bị cáo Nguyễn Xuân T3 phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, che giấu hành vi phạm tội của bị cáo T, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra xử lý tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Xuân T3 không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Nhân thân bị cáo T3 đã từng bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai xử phạt 9 tháng 27 ngày tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo bản án số 76/2014/HSST ngày 17/12/2014 (đã xóa án tích).

Bị cáo Trâm sau khi chiếm đoạt tiền của trường THPT T đã suy tính cách thức và nhờ bị cáo T3 dàn dựng để che giấu hành vi phạm tội của bị cáo nên có dấu hiệu dùng thủ đoạn tinh vi xảo quyệt. Tuy nhiên, ngay trong ngày bị cáo đã

đầu thú và khai báo thành khẩn nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều đầu thú, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, được đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường một phần (300.500.000 đồng) nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, lợi dụng nhiệm vụ được giao để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước 609.141.000 đồng. Tuy nhiên, xem xét số tiền chiếm đoạt vừa trên khởi điểm khung hình phạt, bị cáo biết ăn năn hối hận tác động gia đình bồi thường và đã thu hồi tổng cộng 374.380.000 đồng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe chung.

Bị cáo Nguyễn Xuân T3 phạm tội nghiêm trọng, che giấu hành vi phạm tội của bị cáo T, gây cản trở cho việc điều tra, có nhân thân từng bị xét xử nên cần xử bị cáo mức án trong khung hình phạt, có khoan hồng do bị cáo đầu thú, khai báo thành khẩn.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã chiếm đoạt tổng số tiền là 609.141.000 đồng, đã thu hồi, bồi thường được 374.380.000 đồng, trong đó: thu giữ trong cốp xe của T 64.880.000 đồng; bà Lê Thị D nộp 9.000.000 đồng, ông Nguyễn Vũ T1 đã nộp 300.500.000 đồng (160.500.000 đồng nộp trong quá trình điều tra và 140.000.000 đồng nộp đã nộp theo Biên lai số 00006XX ngày 23/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai). Giao trường THPT T được nhận toàn bộ số tiền này.

Đối với số tiền còn lại là 234.761.000 đồng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà Lê Thị D xác nhận có nhận 28.900.000 đồng tiền mặt từ bị cáo T. Xét số tiền này bị cáo lấy từ tiền hỗ trợ học sinh nên buộc bà D phải nộp lại để thi hành án trả lại cho bị hại. Bà D đã nộp 9.000.000 đồng, còn phải tiếp tục nộp 18.900.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại 215.861.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Giao Trường THPT T nhận các khoản tiền bồi thường và tiền nộp lại như sau:

+ 234.380.000 đồng, gồm: 64.880.000 đồng tạm giữ trong cốp xe của bị cáo Trâm; 9.000.000 đồng do bà Lê Thị D giao nộp; 160.500.000 đồng do ông Nguyễn Vũ T1 (bố bị cáo T) nộp.

+ 16.000.000 đồng ông Nguyễn Ngọc D nộp và 5.000.000 đồng bà Trần Thị Thanh H nộp.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision mang biển kiểm soát 81E1-142.XX, số máy JF86E0136267, số khung 5834KY443531 thu giữ của bị cáo T, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu xanh, bị vỡ mặt kính sau, gắn thẻ sim ghi số 8401210833923495 (không kiểm tra được hoạt động bên trong), thu giữ của bị cáo T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime bị bể góc màn hình, có gắn thẻ sim ghi số 8401210833923688, số Emei 1: 355726090402646; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen bạc, gắn thẻ sim ghi số 8984048000911428189, có số Emei: 353334071421370 (không kiểm tra được hoạt động bên trong) thu giữ của bị cáo T3 là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc, trao đổi thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

- 03 ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp đã hư hỏng và 06 chìa khóa, 01 cờ lê, 01 búa sắt, là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc tạo hiện trường giả vụ trộm cắp và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí:

- Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền còn phải bồi thường.

- Bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền còn phải nộp lại.

[8] Đối với các vấn đề khác có liên quan:

* Đối với ông Bùi Quang V1 – là Hiệu trưởng trường THPT Trần Cao Vân: Mặc dù có vi phạm về trình tự, thủ tục, nguyên tắc kế toán nhưng không đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên kết luận của Cáo trạng là phù hợp, Hội đồng xét xử không kiến nghị gì thêm.

* Đối với Trần Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thanh T, Võ Văn Tg, Lê Thị Ph, Vòng Thị T, Trần Phú L và Trần Tâm N: Tại phiên tòa, chưa có căn cứ để xác định những người này có liên quan hay giúp sức cho hành vi phạm tội của các bị cáo; không xem xét được đồng phạm với bị cáo nào trong vụ án nên kết luận của Viện kiểm sát nêu trong Cáo trạng là phù hợp; trường hợp có căn cứ thì sẽ tiếp tục xem xét trong vụ án khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng đã tiến hành xác minh đối với Trần Phú L và Trần Tâm N nhưng không có kết quả nên không có cơ sở để làm rõ các nội dung có liên quan.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phạm tội “Tham ô tài sản”; bị cáo Nguyễn Xuân T3 phạm tội “Che giấu tội phạm”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T **12** (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2023.

- Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T3 **12** (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/5/2023 đến ngày 18/10/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải bồi thường cho Trường Trung học phổ thông T 609.141.000 đồng, đã bồi thường 374.380.000 đồng. Bị cáo T còn phải tiếp tục bồi thường 215.861.000 đồng (*Hai trăm mười lăm triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

Buộc bà Lê Thị D phải nộp lại 18.900.000 đồng (*Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng*) để thi hành án trả cho bị hại Trường Trung học phổ thông T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Giao cho Trường Trung học phổ thông T được nhận 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) do ông Nguyễn Vũ T1 nộp theo Biên lai số 0000689 ngày 23/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Giao cho Trường Trung học phổ thông T được nhận 255.380.000 đồng (*Hai trăm năm mươi lăm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng*) (trong đó tạm giữ trong cốp xe bị cáo T 64.880.000 đồng, bà Lê Thị D nộp 9.000.000 đồng, ông Nguyễn Ngọc D nộp 16.000.000 đồng, bà Trần Thị Thanh H nộp 5.000.000 đồng, ông Nguyễn Vũ T1 nộp 160.500.000 đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision mang biển kiểm soát 81E1-142.XX, số máy JF86E0136267, số khung 5834KY443531.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu xanh, bị vỡ mặt kính sau, gắn thẻ sim ghi số 8401210833923495 (không kiểm tra được hoạt động bên trong).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime bị bể góc màn hình, có gắn thẻ sim ghi số 8401210833923688, số Imei 1: 355726090402646.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen bạc, gắn thẻ sim ghi số 8984048000911428189, có số Emei: 353334071421370 (không kiểm tra được hoạt động bên trong).

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 03 ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp đã hư hỏng và 06 chìa khóa.

+ 01 cò lê, 01 búa sắt.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm, tình trạng theo Biên bản giao nhận vật chứng số XXX/2024, ngày 24/7/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 10.793.050 đồng *(Mười triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn không trăm năm mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bà Lê Thị D phải nộp 945.000 đồng *(Chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

7. Về thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT- CA tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Lưu HS, THS, VT.

Nguyễn Thị Kim Hồng